

## **Kiến thức, thái độ, hành vi liên quan đến HIV/AIDS trên nhóm sử dụng ma túy tỉnh Khánh Hòa**

**TRƯƠNG TẤN MINH - Sở Y tế Khánh Hòa**

### **TÓM TẮT**

Đề tài nghiên cứu khoa học: "Mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống nhiễm HIV/AIDS trên nhóm sử dụng ma túy tỉnh Khánh Hòa" được thực hiện tại tỉnh Khánh Hòa. Với mục đích mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống HIV/AIDS trong nhóm người sử dụng ma túy tại tỉnh Khánh Hòa từ đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao ý thức phòng chống nhiễm HIV/AIDS trong nhóm người sử dụng ma túy tại địa phương. Tiến hành điều tra trong vòng 6 tháng (từ tháng 7/2007 đến tháng 12-2007). Đối tượng nghiên cứu gồm 300 người. Số liệu được phân tích và xử lý trên phần mềm EPI-

INFO 2002. Kết quả thu được: 99,7% người sử dụng ma túy đã được nghe, biết về HIV/AIDS. 91,7% biết đúng cả 3 đường lây truyền HIV. 86,0% biết đúng 3 cách phòng lây nhiễm HIV. Đa số có thái độ đúng khi vợ/chồng (82,7% dùng BCS khi quan hệ tình dục), bạn bè bị nhiễm HIV (91,0% động viên, ủi). 62,9% độc thân, chưa có gia đình nhưng đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân, 35,3% chưa bao giờ sử dụng BCS khi quan hệ tình dục. Có 13,3% đối tượng nghiên cứu đã từng sử dụng BKT người khác đã dùng trong 6 tháng vừa qua trong đó chỉ có 3,3% đã làm sạch BKT đúng cách khi sử dụng chung.

**Từ khóa:** HIV/AIDS, ma túy.

## SUMMARY

The study "Description of Knowledge, Attitude, Behavior of Injecting Drug Users (IDUs) on HIV/AIDS prevention in Khanh Hoa province" was conducted in Khanh Hoa. The study objective was to describe the knowledge, attitude, behavior of IDUs on HIV/AIDS prevention in Khanh Hoa province, and propose some recommendations to enhance their awareness of HIV/AIDS prevention in the locality. The study was implemented in 6 months (from July 2007 to December 2007). There were 300 study targets. The data were analyzed and processed by software EPI-INFO 2002. The findings from the study show that 99.7% IDUs have ever heard and knew about HIV/AIDS, 91.7% knew correctly three ways of HIV transmission and 86.0% knew correctly three ways of HIV prevention. Almost all of them had correct attitude when their wives/husbands (82.7% used condom when having sex) and friends infected with HIV (91.0% encouraged and consoled). 62.9% had not been married but had sex, 35.3% had never used condom when having sex. 13.3% had ever used needles and syringes that the other used in the last six months, 3.3% of them cleaned needles and syringes correctly when sharing with the others.

**Keywords:** Knowledge, Attitude, Behavior, Drug Users, HIV/AIDS.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Loài người hiện nay vẫn đang đứng trước hiểm họa của đại dịch HIV/AIDS. Tính đến cuối năm 2007 trên thế giới có 33,2 triệu trẻ em và người lớn đang sống chung với HIV/AIDS. Riêng trong năm 2007 có thêm 2,5 triệu trường hợp nhiễm HIV mới được phát hiện và có 2,1 triệu người đã bị chết vì AIDS. Mỗi ngày trên thế giới có thêm hơn 6.800 người mới nhiễm, trong đó 1.200 là trẻ em dưới 15 tuổi.

Tại Khánh Hoà, trường hợp nhiễm HIV đầu tiên được phát hiện vào tháng 04/1993 tại Trung tâm phòng chống lạm dụng ma túy Tỉnh. Đến nay, dịch HIV/AIDS ở Khánh Hoà đang ở giai đoạn dịch tập trung, theo thống kê của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh Khánh hoà đến 31/12/2007 toàn tỉnh đã phát hiện 2092 người nhiễm HIV, 983 đã tiến triển đến giai đoạn AIDS và đã có 746 người tử vong. Nhiễm HIV chủ yếu vẫn ở nhóm nghiện chích ma túy. Tuy nhiên dịch đang có chiều hướng lây sang nhóm đối tượng có hành vi nguy cơ thấp.

Trước thực trạng tình hình nhiễm HIV/AIDS của tỉnh Khánh Hoà như vậy, Nhằm mô tả kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống nhiễm HIV/AIDS, trong người sử dụng ma túy tại tỉnh Khánh Hoà, được sự đồng ý, giúp đỡ và hướng dẫn trực tiếp của Ban quản lý dự án DFID/MFA Trung ương, Sở Y tế tỉnh Khánh Hoà đã tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu "Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi về phòng chống nhiễm HIV/AIDS trên nhóm người sử dụng ma túy tại tỉnh Khánh Hoà".

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng: Người sử dụng ma túy trên địa bàn 05 huyện thị tỉnh Khánh Hoà (thành phố Nha Trang, thị

xã Cam Ranh, huyện Diên Khánh, Ninh Hòa và Vạn Ninh).

Phương pháp đánh giá

- Thiết kế nghiên cứu: Đề tài được thực hiện theo thiết kế nghiên cứu mô tả có phân tích với cuộc điều tra cắt ngang.

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Cỡ mẫu cho 05 huyện thị của tỉnh Khánh Hoà là 300 đối tượng sử dụng ma túy. Đối tượng được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên.

- Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu: Điều tra viên gặp từng đối tượng để phỏng vấn bằng bảng hỏi. Các phiếu điều tra đều được xử lý thô, loại bỏ các phiếu không đạt yêu cầu, sau đó nhập và xử lý phiếu theo chương trình phần mềm EPI-INFO 2002.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Số người sử dụng ma túy nghe, biết về HIV/AIDS

| Nghe, biết về HIV/AIDS           | Số người | Tỷ lệ % |
|----------------------------------|----------|---------|
| Nghe, biết về HIV/AIDS           | 299      | 99,7    |
| Nguồn nhận thông tin về HIV/AIDS |          |         |
| Tivi                             | 275      | 91,7    |
| TT trực tiếp nhóm nhỏ            | 213      | 71,0    |
| Tờ rơi cuốn sách nhỏ             | 164      | 54,7    |
| Đài phát thanh                   | 155      | 51,7    |
| Báo, tạp chí                     | 139      | 46,3    |
| Khác                             | 88       | 29,3    |
| Cán bộ y tế                      | 87       | 29,0    |
| Pano                             | 85       | 28,3    |
| Tranh, áp phích                  | 82       | 27,3    |
| Bạn bè                           | 52       | 17,3    |
| Người trong gia đình             | 16       | 5,3     |

Kết quả bảng 1 cho thấy có 99,7% số người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu đã nghe, biết về HIV/AIDS, kiến thức về HIV/AIDS họ có được chủ yếu nhận qua các kênh truyền thông là tivi (91,7%) và truyền thông trực tiếp nhóm nhỏ (71,0%). Qua tờ rơi, cuốn sách nhỏ, đài phát thanh chiếm hơn 50%. Nhận thông tin qua các phương tiện thông tin khác còn thấp.

Bảng 2. Số người sử dụng ma túy biết các đường lây truyền HIV

| Đường lây truyền HIV                 | Số người | Tỷ lệ % |
|--------------------------------------|----------|---------|
| Biết HIV có lây truyền               | 300      | 100,0   |
| Nhận thức về đường lây truyền        |          |         |
| Biết đúng 03 đường lây truyền        | 275      | 91,7    |
| Biết đúng 02 đường lây truyền        | 22       | 99,0    |
| Biết đúng 01 đường lây truyền        | 3        | 100,0   |
| Nhận thức về đường không lây truyền  |          |         |
| Không lây qua muỗi đốt               | 240      | 80,0    |
| Không lây qua ăn uống chung          | 285      | 95,0    |
| Không lây qua giao tiếp thông thường | 283      | 94,3    |

100,0% số người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu biết HIV có thể lây truyền từ người này qua người khác. Có đến 91,7% biết đúng cả 3 đường lây truyền HIV đó là qua đường máu, quan hệ tình dục và mẹ nhiễm HIV truyền cho con. Bên cạnh đó, có trên 80,0% người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu đã biết đúng các đường không lây truyền

HIV, tuy nhiên vẫn còn đến 20,0% không biết hoặc biết sai rằng muỗi đốt vẫn có thể lây truyền HIV, đặc biệt một kiến thức rất cơ bản về HIV/AIDS nhưng có đến 5,7% người sử dụng ma túy lại không nắm rõ, họ hoàn toàn không biết hoặc cho rằng HIV có thể lây qua các giao tiếp thông thường hàng ngày như bắt tay, ôm hôn.

Bảng 3. Số người sử dụng ma túy biết các cách phòng lây nhiễm HIV

| Cách phòng nhiễm HIV/AIDS     | Số người | Tỷ lệ % |
|-------------------------------|----------|---------|
| Biết cách phòng nhiễm HIV     | 288      | 96,0    |
| Nhận thức về cách phòng nhiễm |          |         |
| Biết đúng 03 cách phòng nhiễm | 258      | 86,0    |
| Biết đúng 02 cách phòng nhiễm | 286      | 95,3    |
| Biết đúng 01 cách phòng nhiễm | 287      | 95,7    |
| Không biết, biết sai          | 13       | 4,3     |

Kết quả bảng 3 cho thấy, có 96,0% người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu biết HIV có thể phòng tránh lây nhiễm từ người này sang người khác. Trong đó, 86,0% biết đúng cả 3 cách phòng lây nhiễm HIV; 95,7% biết đúng ít nhất một cách phòng nhiễm HIV. Tuy nhiên, vẫn còn 4,3% đối tượng hoàn toàn không biết hoặc biết sai về các cách phòng tránh lây nhiễm HIV từ người này sang người khác.

Bảng 4. Thái độ của đối tượng nghiên cứu đối với người nhiễm HIV/AIDS

| Thái độ đối với người nhiễm | Số người | Tỷ lệ (%) |
|-----------------------------|----------|-----------|
| Khi vợ/chồng bị nhiễm HIV   |          |           |
| Ly hôn                      | 6        | 2,0       |
| Ly thân                     | 10       | 3,3       |
| Dùng BCS khi QHTD           | 248      | 82,7      |
| Không biết                  | 31       | 10,3      |
| Khác                        | 5        | 1,7       |
| Tổng cộng                   | 300      | 100,0     |
| Khi bạn bị nhiễm HIV        |          |           |
| Xa lánh                     | 1        | 0,3       |
| Đưa đi ở riêng              | 27       | 9,0       |
| Động viên, an ủi            | 273      | 91,0      |
| Chăm sóc                    | 112      | 37,3      |
| Báo cho người khác biết     | 7        | 2,3       |
| Không biết                  | 11       | 3,7       |
| Khác                        | 2        | 0,7       |

Bảng 4 cho thấy, có 82,7% người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu dùng bao cao su khi quan hệ tình dục với vợ/chồng mình khi vợ/chồng bị nhiễm HIV/AIDS. Chỉ có 5,3% cho rằng sẽ ly dị, ly hôn hoặc không gần gũi, không bao giờ quan hệ tình dục nữa nếu vợ/chồng mình bị nhiễm HIV. Bên cạnh đó, 91,0% người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu động viên, an ủi và chăm sóc nếu bạn thân mình bị nhiễm HIV. Vẫn còn 11,6% có thái độ không đúng khi bạn mình bị nhiễm HIV/AIDS trong số đó 0,3% sẽ xa lánh, không chơi chung nữa, 9,0% đề nghị đưa bạn mình đi ở riêng một nơi xa để tránh lây lan cho người khác. Đặc biệt 2,3% có ý tưởng sẽ báo cho nhiều người khác biết để phòng tránh lây lan cho mọi người.

Bảng 5. Hành vi QHTD của đối tượng nghiên cứu

| Lịch sử QHTD                          | Số người | %     |
|---------------------------------------|----------|-------|
| Người độc thân có QHTD trước hôn nhân | 134      | 62,9  |
| Sử dụng BCS khi QHTD                  |          |       |
| Đã sử dụng BCS                        | 143      | 64,7  |
| Chưa bao giờ sử dụng BCS              | 78       | 35,3  |
| Tổng cộng                             | 221      | 100,0 |
| Chưa bao giờ sử dụng BCS khi QHTD     |          |       |
| Độc thân                              | 47       | 60,3  |
| Có gia đình                           | 31       | 39,7  |

Có đến 62,9% người sử dụng ma túy trong nhóm nghiên cứu còn độc thân, chưa có gia đình nhưng đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân.

Bên cạnh đó, có 221/300 đối tượng nghiện chích ma túy đã từng có quan hệ tình dục. Tuy nhiên, khi quan hệ tình dục từ trước đến nay có đến 35,3% số người sử dụng ma túy chưa bao giờ sử dụng bao cao su, trong số họ 60,3% người độc thân chưa lần nào sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục.

Bảng 6. Hành vi sử dụng BCS khi QHTD trong 6 tháng qua

| Thông tin                        | Vợ/chồng người yêu |      | Bạn tình bất chợt |      | Gái mại dâm |      |
|----------------------------------|--------------------|------|-------------------|------|-------------|------|
|                                  | n                  | %    | n                 | %    | n           | %    |
| Lần nào cũng sử dụng             | 31                 | 21,7 | 17                | 58,6 | 60          | 67,4 |
| Hầu hết đều sử dụng              | 32                 | 22,4 | 5                 | 17,2 | 15          | 16,9 |
| Thỉnh thoảng sử dụng             | 80                 | 55,9 | 7                 | 24,1 | 14          | 15,7 |
| Có sử dụng BCS khi QHTD lần cuối | 64                 | 49,6 | 19                | 82,6 | 64          | 98,5 |

Kết quả bảng 6 cho thấy, có 58,6% đối tượng nghiên cứu lần nào cũng sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với bạn tình bất chợt; 67,4% sử dụng bao cao su khi quan hệ tình dục với gái mại dâm.

Bảng 7. Hành vi sử dụng chung BKT trong 6 tháng qua:

| Thông tin  | Số người | Tỷ lệ % |
|--|----------|---------|
| SD BKT người khác đã dùng trong 6 tháng vừa qua                  |          |         |
| Luôn luôn  | 1        | 0,3     |
| Hầu hết các lần  | 1        | 0,3     |
| Khoảng nửa số lần  | 3        | 1,0     |
| Thỉnh thoảng   | 34       | 11,7    |
| Không bao giờ  | 252      | 86,7    |
| Tổng cộng  | 291      | 100,0   |
| Làm sạch BKT khi SD BKT người khác đã dùng trong 6 tháng vừa qua |          |         |
| Luôn luôn  | 14       | 35,9    |
| Hầu hết các lần  | 5        | 12,8    |
| Khoảng nửa số lần  | 4        | 10,3    |
| Thỉnh thoảng   | 7        | 17,9    |
| Không bao giờ  | 9        | 23,1    |
| Tổng cộng  | 39       | 100,0   |
| Cách làm sạch BKT  |          |         |
| Xúc nước lạnh  | 21       | 70,0    |
| Xúc nước nóng  | 1        | 3,3     |
| Luộc sôi   | 0        | 0,0     |
| Xúc nước sát khuẩn   | 1        | 3,3     |
| Xúc cồn  | 7        | 23,3    |
| Tổng cộng  | 30       | 100,0   |

Kết quả điều tra cho thấy, có 13,3% người nghiện chích ma túy đã từng sử dụng bơm kim tiêm người

khác đã dùng và trong số họ 76,9% có làm sạch bơm kim tiêm khi dùng chung, nhưng chỉ có 3,3% đã làm sạch BKT đúng cách khi sử dụng chung .

#### **KẾT LUẬN**

1. Đa số đối tượng nghiên cứu đã được nghe, biết về HIV/AIDS (99,7%) trong đó 91,7% nhận được thông tin qua ti vi; 91,7% biết đúng cả 3 đường lây truyền HIV; 20,0% không biết hoặc biết sai rằng muỗi đốt vẫn có thể lây truyền HIV, 5,7% không biết hoặc cho rằng HIV có thể lây qua các giao tiếp thông thường hàng ngày như bắt tay, ôm hôn. 96,0% biết đúng 3 cách phòng lây nhiễm HIV.

2. Số đối tượng nghiên cứu độc thân, chưa có gia đình nhưng đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân chiếm tỷ lệ cao (62,9%). Trong số họ 60,3% chưa bao giờ dùng bao cao su khi quan hệ tình dục.

3. 52,2% đối tượng nghiên cứu đã từng có quan hệ tình dục với gái mại dâm và 13,8% với người khác ngoài vợ/chồng.

4. 13,3% đối tượng vẫn sử dụng chung bơm kim tiêm với người khác trong vòng 6 tháng vừa qua.

#### **KHUYẾN NGHỊ**

1. Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông cần được triển khai sâu, rộng hơn nhất là trên những đối tượng có tính chất cá biệt. Tăng cường thời lượng phát hành trên kênh truyền thông ti vi, đài.

2. Tổ chức nhiều buổi truyền thông trực tiếp nhóm nhỏ cho các đối tượng có hành vi nguy cơ cao.

3. Phối hợp với Trung tâm 05 & 06 của tỉnh để tổ chức các buổi giao lưu văn nghệ, lồng ghép truyền thông phòng lây nhiễm HIV/AIDS.

#### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban AIDS Sở Y Tế Tỉnh Khánh Hoà (2000), *Báo cáo kết quả giám sát HIV/AIDS Tỉnh Khánh Hoà năm 2000*, Khánh Hoà.

2. Viện Pasteur Nha Trang (1997), *Đặc san hoạt động phòng chống AIDS khu vực miền trung quý III năm 1997*, Khánh Hoà.

3. Christina P.Linda, Peter Lurie, Jeffrey S.Mandel et al (1997), *Rising HIV infection rates in Ho Chi Minh City herald emerging AIDS epidemic in Vietnam*, Viet Nam.

4. WHO (1999), *STI, HIV/AIDS Surveillance report*, Manila.